

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...A/2015/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày ... tháng ... năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành quy định trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành
Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, Quyết định
công nhận hòa giải thành trong tranh chấp đất đai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam tại tờ trình số.....TTr ngày...../...../2015 và Văn bản số/BC-STP ngày...../...../.....của Giám đốc Sở Tư pháp

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trong tranh chấp đất đai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính Phủ;
- Bộ TN&MT;
- Cục kiểm tra VBQPPL-BTP;
- TTTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND&ĐDBQH tỉnh;
- Như điều 3;
- Website Hà Nam;
- LĐVP, CB;
- Lưu: VT, TN&MT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Đông

QUY ĐỊNH

V/v ban hành quy định trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành
Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, Quyết định
công nhận hòa giải thành trong tranh chấp đất đai

(Kèm theo Quyết định số/2015/QĐ-UBND ngày/...//2015 của UBND tỉnh Hà Nam)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chi tiết về nguyên tắc, trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, cưỡng chế thi hành quyết định công nhận hòa giải thành của người có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân phải chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành nhưng không tự nguyện chấp hành.
2. Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã; các sở, ban, ngành; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thi hành cưỡng chế theo Quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện cưỡng chế

1. Quá trình cưỡng chế phải tiến hành công khai, dân chủ, khách quan, bảo đảm trật tự, an toàn, đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.
2. Trước khi tổ chức cưỡng chế phải thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục và thuyết phục tổ chức, cá nhân liên quan tự nguyện, tự giác chấp hành quyết định. Đồng thời cần thực hiện một số chính sách an sinh xã hội (nếu có) để người dân ổn định cuộc sống, nhất là hộ nghèo, gia đình chính sách... nhằm chấm dứt việc tranh chấp.
3. Tôn trọng sự thỏa thuận của các bên liên quan, nếu thỏa thuận đó không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Việc thỏa thuận thi hành quyết định có thể thực hiện ở bất kỳ giai đoạn nào của quá trình thi hành quyết định. Sau khi tổ chức triển khai quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật, nếu các bên không tự thỏa thuận được hoặc bên phải thi hành quyết định không đồng ý giao trả diện tích đất tranh chấp, thì cưỡng chế thi hành.
4. Thời điểm bắt đầu tiến hành cưỡng chế được thực hiện trong giờ hành chính. Không tổ chức cưỡng chế trong các thời điểm sau:
 - a) Trong khoảng thời gian hai mươi (20) ngày trước và sau Tết Nguyên đán;

b) Các ngày nghỉ, ngày lễ khác theo quy định của Nhà nước và trong thời gian diễn ra những sự kiện chính trị quan trọng của đất nước.

5. Việc tạm ngừng thực hiện quyết định cưỡng chế khi có quyết định của người có thẩm quyền.

Điều 4. Điều kiện thực hiện cưỡng chế

Việc cưỡng chế chỉ được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau:

1. Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành đã có hiệu lực thi hành theo quy định của pháp luật.

2. Người phải chấp hành đã nhận được quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành hoặc quyết định đó đã được niêm yết, thông báo công khai theo quy định.

3. Người phải chấp hành quyết định không tự nguyện chấp hành sau khi đã được Ban cưỡng chế, UBND cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã vận động, thuyết phục.

4. Có quyết định cưỡng chế; quyết định cưỡng chế đã được giao cho người bị cưỡng chế hoặc được niêm yết, thông báo công khai theo quy định.

Điều 5. Thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế

1. Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế để thi hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và quyết định công nhận hòa giải thành do mình ban hành; quyết định công nhận hòa giải thành do UBND cấp xã ban hành đã có hiệu lực pháp luật.

2. Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp huyện ra Quyết định cưỡng chế để thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành do Chủ tịch UBND tỉnh ban hành.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN CƯỖNG CHẾ

Sửa lại

Điều 6. Nộp đơn yêu cầu cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành có hiệu lực pháp luật

1. Người được thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật phải nộp đơn yêu cầu cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật.

Đơn nộp tại trụ sở Ban tiếp công dân cấp huyện đối với trường hợp Quyết định giải quyết lần đầu của Chủ tịch UBND cấp huyện đã có hiệu lực pháp luật; Quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện giải quyết lần đầu có khiếu nại và đã được Chủ tịch UBND tỉnh xem xét có quyết định giải quyết.

Đơn nộp tại Ban tiếp công dân của tỉnh đối với trường hợp Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết lần đầu đã có hiệu lực pháp luật; Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết lần đầu có khiếu nại và đã được Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xét có quyết định giải quyết hoặc công nhận quyết định giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Trụ sở Ban tiếp công dân cấp huyện và cấp tỉnh phải vào sổ nhận đơn, viết phiếu nhận đơn. Ban tiếp công dân cấp huyện báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện để ban hành Quyết định cưỡng chế. Ban tiếp công dân của tỉnh chuyển đơn đến Chủ tịch UBND cấp huyện để ban hành Quyết định cưỡng chế và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 7. Tham mưu ban hành quyết định cưỡng chế, quyết định thành lập Ban cưỡng chế

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Ban tiếp công dân cấp huyện, Ban tiếp công dân cấp tỉnh nhận được đơn yêu cầu cưỡng chế của tổ chức, cá nhân, thì Ban tiếp công dân cấp huyện và cấp tỉnh gửi đến Chủ tịch UBND cấp huyện.

Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày được Chủ tịch UBND cấp huyện giao cho cơ quan chức năng phối hợp với UBND cấp xã gấp gờ, làm việc với các bên tranh chấp, người có quyền và nghĩa vụ liên quan (nếu có) để thu thập thông tin, động viên, tuyên truyền, thuyết phục, yêu cầu các bên chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp các bên tranh chấp, người có quyền và nghĩa vụ liên quan không chấp hành thì cơ quan chức năng được giao phải báo cáo kết quả đến Chủ tịch UBND cấp huyện để ban hành quyết định cưỡng chế; báo cáo gồm có các nội dung cơ bản: việc triển khai thực hiện; quá trình giải thích, tuyên truyền, thuyết phục; yêu cầu của các bên tranh chấp; nhận xét và kiến nghị ban hành quyết định cưỡng chế, quyết định thành lập Ban cưỡng chế.

2. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, ban hành quyết định cưỡng chế, quyết định thành lập Ban cưỡng chế.

Điều 8. Quyết định cưỡng chế, Quyết định thành lập Ban cưỡng chế

1. Quyết định cưỡng chế (mẫu số 01) phải có các nội dung cơ bản sau:

- a) Biện pháp thực hiện cưỡng chế; thời gian thực hiện cưỡng chế;
- b) Cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế;

Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế phân công cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế trên nguyên tắc tham mưu giải quyết, tính chất, mức độ và điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế.

- c) Cơ quan có trách nhiệm tham gia, phối hợp.

2. Quyết định thành lập Ban cưỡng chế (mẫu số 02) phải có các nội dung cơ bản sau:

a) Thành phần Ban cưỡng chế

Thành phần Ban cưỡng chế cấp huyện gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp huyện là Trưởng Ban chủ trì thực hiện cưỡng chế; Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; Chánh Thanh tra cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế là Phó Trưởng Ban; đại diện các cơ quan của huyện gồm: Tài chính, Tư pháp, Xây dựng; đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế và một số thành viên khác do người ra quyết định thành lập cưỡng chế quyết định là thành viên Ban.

b) Nhiệm vụ cưỡng chế, cơ quan có trách nhiệm tham gia phối hợp.

Điều 9. Gửi quyết định cưỡng chế

1. Ngay sau khi ban hành quyết định cưỡng chế, Chủ tịch UBND cấp huyện phải gửi quyết định cưỡng chế cho cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế; Ban cưỡng chế; cơ quan, tổ chức có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức cưỡng chế để phối hợp thực hiện.

2. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định cưỡng chế, Ban cưỡng chế phối hợp với UBND cấp xã giao quyết định cưỡng chế cho đối tượng bị cưỡng chế, tổ chức, cá nhân có liên quan (việc giao quyết định phải được lập biên bản). Trường hợp người bị cưỡng chế cư trú ngoài tỉnh Hà Nam thì Quyết định cưỡng chế gửi cho đối tượng bị cưỡng chế qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm.

a) Đối với trường hợp quyết định cưỡng chế được triển khai giao trực tiếp mà cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế không nhận thì Ban cưỡng chế phải lập biên bản về việc không nhận quyết định, biên bản phải có xác nhận của chính quyền địa phương và có 02 người làm chứng ký hoặc có đại diện mặt trận tổ quốc cơ sở thôn, xóm xác nhận thì được coi là quyết định đã được giao, sau đó niêm yết quyết định cưỡng chế tại UBND cấp xã nơi có đất;

Trường hợp cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế vắng mặt thì quyết định cưỡng chế được giao cho một trong những người trong gia đình của đối tượng bị cưỡng chế có đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú tại thôn, xóm, tổ dân phố, bao gồm: cha, mẹ, vợ chồng, con của đối tượng bị cưỡng chế; việc giao phải lập biên bản, phải có ký tên hoặc điểm chỉ của người nhận, xác nhận của UBND cấp xã thì được coi là quyết định đã được giao. Nếu người thân của đối tượng bị cưỡng chế không nhận quyết định cưỡng chế thì Ban cưỡng chế phải lập biên bản và niêm yết quyết định cưỡng chế tại UBND cấp xã nơi đất tọa lạc và có xác nhận của chính quyền địa phương và đại diện Mặt trận tổ quốc cơ sở hoặc 02 người chứng kiến ký tên thì được coi là quyết định đã được giao.

b) Đối với trường hợp gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm, nếu sau thời hạn 05 ngày, kể từ ngày quyết định cưỡng chế đã được gửi qua đường bưu

điện đến lần thứ ba mà bị trả lại do cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế cố tình không nhận; quyết định cưỡng chế sẽ được niêm yết tại nơi cư trú của cá nhân, trụ sở của tổ chức bị cưỡng chế hoặc có căn cứ cho rằng người bị cưỡng chế trốn tránh không nhận quyết định cưỡng chế thì được coi là quyết định đã được giao.

Điều 10. Xây dựng kế hoạch cưỡng chế

1. Ban cưỡng chế có trách nhiệm thu thập thông tin, khảo sát hiện trạng nơi tiến hành cưỡng chế, chủ trì xây dựng kế hoạch cưỡng chế và dự toán kinh phí trình người ra quyết định cưỡng chế phê duyệt trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định thành lập Ban cưỡng chế.

2. Kế hoạch cưỡng chế (mẫu số 03).

Kế hoạch cưỡng chế phải có các nội dung cơ bản: đối tượng, nội dung, thời gian, địa điểm cưỡng chế, phương pháp cưỡng chế; lực lượng tham gia, hỗ trợ; tổ chức và kinh phí thực hiện.

3. Ban cưỡng chế phối hợp với cơ quan báo chí, đài truyền thanh, Đài truyền hình (nếu cần thiết) để kịp thời thông tin, tuyên truyền đến người dân.

Điều 11. Động viên, giáo dục và thông báo cưỡng chế

1. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày kế hoạch cưỡng chế được phê duyệt, Ban cưỡng chế phối hợp với chính quyền địa phương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã động viên, giáo dục, thuyết phục đối tượng bị cưỡng chế; người có quyền và nghĩa vụ liên quan (nếu cần thiết); tùy một số trường hợp cụ thể, Ban cưỡng chế mời đại diện tổ chức chính trị - xã hội cùng tham gia.

2. Nếu đối tượng bị cưỡng chế tự nguyện thi hành thì Ban cưỡng chế lập biên bản công nhận sự tự nguyện và phải được thành phần tham dự, đối tượng bị cưỡng chế ký tên hoặc điểm chỉ; nội dung tự nguyện phải được thực hiện trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày lập biên bản.

3. Nếu đối tượng bị cưỡng chế không tự nguyện chấp hành, Ban cưỡng chế lập biên bản động viên không thành và thông báo thời gian cưỡng chế bằng văn bản; thời hạn cưỡng chế sau 03 ngày, kể từ ngày thông báo. Thông báo cưỡng chế phải có các nội dung cơ bản: đối tượng được thông báo cưỡng chế; thời gian, địa điểm cưỡng chế; yêu cầu đối tượng bị cưỡng chế, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có tài sản trên đất (gồm trên mặt đất và dưới mặt đất) phải di dời tài sản ra khỏi nơi thực hiện cưỡng chế.

Điều 12. Thực hiện cưỡng chế

1. Trên cơ sở quyết định cưỡng chế, kế hoạch cưỡng chế đã được phê duyệt, Ban cưỡng chế phối hợp với các cơ quan tiến hành cưỡng chế ngoài thực địa:

a) Trường hợp đối tượng bị cưỡng chế, người có nghĩa vụ liên quan cố tình vắng mặt thì vẫn tiến hành cưỡng chế nhưng phải có đại diện của chính quyền địa phương và 02 người chứng kiến.

b) Trước khi cưỡng chế, nếu đối tượng bị cưỡng chế tự nguyện chấp hành thì Ban cưỡng chế lập thủ tục theo khoản 2 Điều 10 Quy định này.

c) Việc cưỡng chế phải được lập thành biên bản và giao cho người bị cưỡng chế một bản; biên bản ghi rõ: thời gian, địa điểm, cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế; cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế; đại diện chính quyền địa phương và người chứng kiến; địa điểm cưỡng chế, hiện trạng đất (*các tài sản trên đất*) khi cưỡng chế, kết quả thực hiện cưỡng chế và phải được thành phần tham dự cưỡng chế ký tên, điểm chỉ; trường hợp vắng mặt hoặc từ chối ký biên bản thì phải ghi lý do vào biên bản.

2. Ban cưỡng chế buộc đối tượng bị cưỡng chế, người có liên quan phải tháo dỡ, di dời tài sản ra khỏi nơi cưỡng chế. Nếu họ không tự nguyện thực hiện, Ban cưỡng chế yêu cầu lực lượng cưỡng chế đưa họ cùng tài sản (*động sản*) và tháo dỡ nhà cửa, vật kiến trúc, cây cối ra khỏi nơi cưỡng chế.

3. Trường hợp đối tượng bị cưỡng chế, người có liên quan từ chối nhận tài sản, thì Ban cưỡng chế bàn giao tài sản theo biên bản đã lập khi cưỡng chế cho UBND cấp xã trông giữ, bảo quản theo quy định của pháp luật, trừ các loại tài sản theo quy định tại điểm a điểm b và điểm c khoản 3 Điều này. Khi bàn giao tài sản cho UBND cấp xã Ban cưỡng chế phải lập biên bản bàn giao.

Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày thực hiện cưỡng chế xong, Ban cưỡng chế phải gửi thông báo cho cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế niêm yết thông báo tại UBND cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế về thời gian, địa điểm để giao lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp; việc niêm yết phải được lập thành biên bản. Quá 6 tháng, kể từ ngày nhận được thông báo đến nhận tài sản mà người có tài sản không đến nhận (*trừ trường hợp có lý do chính đáng*) thì tài sản đó sẽ được xử lý theo quy định pháp luật.

a) Đối với tài sản là hàng hóa, vật phẩm, dễ hư hỏng (*hàng tươi sống, thủy sản, thực phẩm, hoa màu, vật phẩm khác...*) thì Ban cưỡng chế thông báo cho chủ sở hữu tài sản nhận ngay sau khi tiến hành cưỡng chế, nếu từ chối nhận tài sản thì chủ tài sản chịu trách nhiệm về mất mát, hư hao, chênh lệch giá về tài sản. Ban cưỡng chế lập biên bản và tổ chức bán thanh lý đối với các tài sản theo quy định pháp luật. Số tiền thu được, sau khi trừ các chi phí cho việc vận chuyển, bảo quản, xử lý tài sản sẽ được gửi vào tài khoản tạm gửi mở tại Kho bạc Nhà nước.

b) Đối với tài sản mà cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế không được phép quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật thì Ban cưỡng chế ^(lập biên bản và) bàn giao cho cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành để quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Chậm nhất sau 05 ngày kể từ ngày thực hiện xong cưỡng chế ngoài thực địa, Ban cưỡng chế đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền đo đạc và lập biên bản bàn giao đất cho người sử dụng hợp pháp, biên bản bàn giao đất phải có chữ

ký của đại diện Ban cưỡng chế, đối tượng nhận bàn giao đất và xác nhận của chính quyền địa phương.

5. Căn cứ biên bản giao đất ngoài thực địa của cơ quan chức năng có thẩm quyền và Ban cưỡng chế, UBND cấp huyện tiến hành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư; UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cơ quan, tổ chức, cơ sở tôn giáo.

Điều 13. Lưu trữ hồ sơ cưỡng chế

1. Hồ sơ cưỡng chế lưu trữ gồm có:

a) Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành có hiệu lực pháp luật;

b) Quyết định cưỡng chế;

c) Quyết định thành lập Ban cưỡng chế và kế hoạch cưỡng chế;

d) Biên bản động viên, tuyên truyền, thuyết phục; Biên bản cưỡng chế; biên bản tạm quản lý tài sản cưỡng chế; biên bản bàn giao bảo quản tài sản tạm quản lý và các biên bản khác;

đ) Thông báo nhận tài sản;

e) Hình ảnh, thiết bị lưu trữ ghi hình, ghi âm (nếu có) và các văn bản khác.

2. Tài liệu trong hồ sơ phải đánh số thứ tự, lập bảng kê tài liệu và được lưu tại cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế.

Điều 14. Giải quyết khiếu nại và xử lý trường hợp tái chiếm

1. Đối tượng bị cưỡng chế có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện việc thực hiện cưỡng chế theo quy định.

2. Nếu đối tượng bị cưỡng chế, người có nghĩa vụ liên quan tái chiếm thì Chủ tịch UBND cấp xã lập biên bản vi phạm, xử lý vi phạm hành chính theo quy định, trường hợp cần hỗ trợ lực lượng, phương tiện thì báo cáo ngay với Chủ tịch UBND cấp huyện để được *giúp đỡ xử lý theo quy định.*

Điều 15. Chi phí cưỡng chế

1. Chi phí cưỡng chế được tạm ứng từ ngân sách nhà nước và được hoàn trả ngay sau khi thu được tiền của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế.

2. Cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải chịu mọi chi phí cho các hoạt động cưỡng chế. Nếu cá nhân, tổ chức không tự nguyện hoàn trả hoặc hoàn trả chưa đủ chi phí cưỡng chế thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có thể ra quyết định cưỡng chế bằng các biện pháp quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 2 Điều 86 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các Sở, ngành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với Thanh tra tỉnh và các Sở, ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy định này.

b) Phối hợp chặt chẽ với các ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn giải quyết vướng mắc trong quá trình giải quyết tranh chấp đất đai, hòa giải tranh chấp đất đai.

2. Thanh tra tỉnh

Phối hợp với sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện và các sở, ngành liên quan hướng dẫn việc thực hiện giải quyết tranh chấp đất đai, hòa giải tranh chấp đất đai tại cơ sở.

3. Công an tỉnh

Chỉ đạo, tổ chức lực lượng nắm chắc diễn biến, tình hình liên quan các tổ chức, cá nhân phải cưỡng chế. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng phương án, bố trí lực lượng tham gia bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội trước, trong và sau quá trình cưỡng chế. Chỉ đạo Công an huyện, thành phố đảm bảo an ninh trật tự trong quá trình thực hiện cưỡng chế.

4. Ban cưỡng chế

a) Xây dựng kế hoạch cưỡng chế; chấp hành, tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế, kế hoạch cưỡng chế theo trình tự thủ tục quy định trong Quy định này.

b) Hoàn thiện hồ sơ cưỡng chế để thực hiện cưỡng chế và lưu trữ theo quy định.

5. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh, Báo Hà Nam thực hiện công tác tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong nhân dân, vận động người phải chấp hành tự nguyện chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và quyết định công nhận hòa giải thành trong tranh chấp đất đai.

6. Các Sở, ngành có liên quan: Theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết các khó khăn, vướng mắc liên quan đến lĩnh vực của ngành khi Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị.

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chỉ đạo tổ chức thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành có hiệu lực; tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, cưỡng chế thi hành quyết định công nhận hòa giải thành khi người phải chấp hành không chấp hành.

2. Tiếp nhận, giải quyết các kiến nghị, phản ánh, khiếu nại liên quan đến việc cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức tuyên truyền vận động, thuyết phục người người phải chấp quyết định tự nguyện chấp hành, chấm dứt tranh chấp đất đai.

2. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện giao hoặc niêm yết công khai quyết định cưỡng chế thu hồi đất;

3. Huy động lực lượng địa phương tham gia thực hiện cưỡng chế; tham gia niêm phong, di chuyển tài sản của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế (nếu có) theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 19. Trách nhiệm của người bị cưỡng chế

1. Tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế phải chấp hành quyết định cưỡng chế. Người nào trực tiếp hoặc xúi giục, kích động người khác có hành vi gây rối trật tự công cộng hoặc chống người thi hành công vụ nhằm cản trở các hoạt động cưỡng chế thì tùy theo mức độ vi phạm mà xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Chi trả các chi phí liên quan đến việc cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

Điều Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trong chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phổ biến, thực hiện nội dung quy định này; trường hợp pháp luật có quy định khác với quy định trong Quy định này thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật đó

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Đông

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN, THÀNH PHỐ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-UBND

...², ngày ... tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Cưỡng chế thi hành

Căn cứ Điều 86, Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ Điều 202; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Quyết định số..... /2015/QĐ-UBND ngày.... tháng.....năm 2015 của UBND tỉnh Hà Nam V/v ban hành quy định trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, Quyết định công nhận hòa giải thành;

Xét đơn đơn yêu cầu cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật của Ông (Bà) Tổ chức.....

Để bảo đảm thi hành Quyết định số..... /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... do.....ký;

Căn cứ Văn bản giao quyền số /..... ngày ... tháng ... năm (nếu cấp phó ký),

Tôi: Chức vụ: Đơn vị

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cưỡng chế thi hành quyết định số/QĐ UBND ngày ... tháng ... năm đối với:

Ông (Bà)/Tổ chức:.....

Ngày ... tháng... năm sinh Quốc tịch:

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:.....

Địa chỉ:

Giấy CMND hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:

Cấp ngày: Nơi cấp:

Lý do áp dụng:.....

.....

Biện pháp cưỡng chế gồm:³

.....
Thời gian thực hiện:^{4a}, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Địa điểm thực hiện:^{4b}

Cơ quan, tổ chức phối hợp:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao/Gửi cho ông (bà)/tổ chức⁵..... để chấp hành.

Ông (Bà)/Tổ chức vi phạm phải thực hiện Quyết định này và phải chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện cưỡng chế.

Ông (Bà)/Tổ chức vi phạm có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Giao ⁶để tổ chức thực hiện Quyết định này./.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên, đóng dấu)

(Ghi rõ chức vụ, họ tên)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: Hồ sơ.

¹ Ghi tên theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính

² Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

³ Ghi rõ biện pháp cưỡng chế được áp dụng.

^{4a} Ghi rõ thời gian, tổ chức cưỡng chế.

^{4b} Ghi rõ địa điểm tổ chức cưỡng chế.

⁵ Ghi rõ tên của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế.

⁶ Ghi họ tên, chức vụ, đơn vị người thi hành Quyết định; cơ quan phối hợp cưỡng chế, cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN, (THÀNH PHỐ).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-UBND

...², ngày ... tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Ban cưỡng chế thi hành quyết định

Căn cứ Điều 86, Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày.../.../.....của Chủ tịch UBND
.....V/v cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai

Để bảo đảm thi hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số/QĐ-
UBND ngày ... tháng ... nămdo.....ký;

Căn cứ Văn bản giao quyền số ngày ... tháng ... năm (nếu cấp
phó ký),

Tôi: Chức vụ: Đơn vị

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban cưỡng chế thi hành quyết định,
gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1. Ông (bà)..... Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND
huyện (thành phố), Trưởng Ban;
2. Ông (bà).....Trưởng phòng TN&MT huyện
(thành phố), Phó Trưởng Ban;
3. Ông (bà)..... Chánh Thanh tra, huyện
(thành phố), Phó Trưởng Ban;
4. Ông (bà).....Chủ tịch UBND xã, (phường, thị trấn).....,
Phó Trưởng Ban ;
5. Ông (bà)..... Trưởng phòng Tài chính, thành viên;
6. Ông (bà)..... Trưởng phòng Tư pháp, thành viên;
7. Ông (bà).....Trưởng phòng Xây dựng, thành viên;
8. Ông (bà).....Chủ tịch UBMT tổ quốc xã, phường,
thị trấn....., thành viên;
9. Ông (bà)..... Trưởng thôn, xóm, tổ dân phố.....
thành viên;

Điều 2. Ban cưỡng chế thi hành quyết định có nhiệm vụ:

- Giao quyết định cưỡng chế cho đối tượng bị cưỡng chế, tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Xây dựng Kế hoạch cưỡng chế trình người ban hành quyết định cưỡng chế phê duyệt và tổ chức thực hiện cưỡng chế theo quy định.
- Ban cưỡng chế tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ cưỡng chế ngoài thực địa đồng thời phối hợp với các cơ quan chức năng bản giao đất cho người sử dụng hợp pháp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm

Điều 4. Các ông (bà) có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên, đóng dấu)

(Ghi rõ chức vụ, họ tên)

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: Hồ sơ.

¹ Ghi tên theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính

² Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
BAN CƯỖNG CHẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Theo Quyết định số...../QĐ-UBND
ngày...../...../..... của UBND.....

...², ngày ... tháng năm

KẾ HOẠCH

Cưỡng chế thi hành quyết định

Thực hiện Quyết định số ngày/...../..... của về việc cưỡng chế thi hành quyết định; Quyết định số ngày/...../..... của về việc thành lập Ban cưỡng chế thi hành quyết định

Ban cưỡng chế lập kế hoạch tiến hành cưỡng chế thi hành quyết định như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

.....

2. Yêu cầu

.....

II. Nội dung cưỡng chế

.....

III. Phương pháp tiến hành cưỡng chế

.....

IV. Tổ chức thực hiện

- Tiến độ thực hiện:
- Chế độ thông tin, báo cáo:
- Thành viên tiến hành cưỡng chế:
- Điều kiện vật chất đảm bảo thực hiện cuộc cưỡng chế:
- Những vấn đề khác (nếu có):

**Phê duyệt của người ra
quyết định cưỡng chế**
(Ký, đóng dấu)

Trưởng Ban cưỡng chế
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- Người ban hành Quyết định cưỡng chế ;
- Các cơ quan có liên quan;
- Thành viên Ban cưỡng chế;
- Lưu: HS